

Số: 23/NQ-HĐND

Nhị Chiểu, ngày 19 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG NHỊ CHIỂU  
KHÓA I, KỶ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Thực hiện Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách, Hội đồng nhân dân phường, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương năm 2026 như sau:**

- Thu ngân sách nhà nước năm 2026: **251.301 triệu đồng**, trong đó:
  - Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 107.773 triệu đồng
  - Lệ phí trước bạ: 9.845 triệu đồng

- 1.3. Thu phí, lệ phí: 980 triệu đồng
- 1.4. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 3.790 triệu đồng
- 1.5. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: 10.040 triệu đồng
- 1.6. Thu tiền sử dụng đất: 3.886 triệu đồng
- 1.7. Thu khác ngân sách: 306 triệu đồng
- 1.8. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: 2.200 triệu đồng
- 1.9. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 112.481 triệu đồng

*(Chi tiết tại các Biểu số N01 kèm theo)*

## **Điều 2. Quyết định dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 như sau:**

1. Dự toán chi ngân sách địa phương: 251.301 triệu đồng, trong đó:
  - 1.1. Chi đầu tư phát triển: 3.886 triệu đồng
  - 1.2. Chi thường xuyên: 242.488 triệu đồng
  - 1.3. Dự phòng ngân sách xã: 4.927 triệu đồng

*(Chi tiết tại các biểu số N02, N03, N04 kèm theo)*

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

### **1. Giao Ủy ban nhân dân phường:**

1.1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

1.2. Phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại khoản 7 Điều 32 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân phường và báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp gần nhất.

1.3. Giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Tổ chức đồng bộ các giải pháp, trên cơ sở bám sát điều hành của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, thành phố về dự toán ngân sách năm 2026 và tình hình thực tế tại địa phương. Chỉ đạo điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp và ngân sách địa phương.

1.4. Tổ chức thực hiện các biện pháp để quản lý thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo quy định của pháp luật, quản lý tốt các khoản thu có điều kiện tăng thu, nhất là các khoản thu từ đất.

1.5. Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán giao, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tổ chức bộ máy, thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế của hệ thống hành chính; đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị

quyết của Trung ương. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, chế độ tự kiểm tra tài chính, kế toán trong các đơn vị sử dụng ngân sách.

1.6. Nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Nhị Chiểu khoá I, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2025./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực HĐND TP;
- UBND TP;
- Sở Tài chính TP;
- TT Đảng ủy phường;
- LĐ UBND phường;
- UB MTQVN phường;
- Hai ban HĐND phường;
- Đại biểu HĐND phường khóa I;
- Các cơ quan, đơn vị trong phường;
- Công TTĐT phường;
- Lưu VT, HSKH.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Xuân Lộc**

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO PHÂN CẤP  
NGUỒN THU NĂM 2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND phường Nhị Chiểu)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	3	4
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>262.594</b>	<b>138.820</b>
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	202.525	107.773
	- Thuế giá trị gia tăng	134.120	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.460	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế tài nguyên	2.945	
2	Lệ phí trước bạ	16.140	9.845
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất</i>	<i>3.551</i>	
3	Phí, lệ phí	980	980
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.790	3.790
6	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	25.100	10.040
7	Thu tiền sử dụng đất	10.329	3.886
8	Thu khác ngân sách	1.530	306
9	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	2.200	2.200

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026***(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND phường Nhị Chiểu)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán 2026	Ghi chú
A	B	1	2
<b>A</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)</b>	<b>251.301</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.886</b>	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>242.488</b>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	145.462	
2	Chi khoa học và công nghệ	390	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	5.913	
4	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	1.441	
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	410	
6	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	465	
7	Chi bảo vệ môi trường	3.065	
8	Chi sự nghiệp kinh tế	11.057	
9	Chi QLHC, Đảng, Đoàn thể, HĐND	32.443	
10	Chi bảo đảm xã hội	34.136	
11	Chi thường xuyên khác	1.206	
12	Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội (AN: 3.290 trđ, QP: 3.210 trđ)	6.500	
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>4.927</b>	
<b>B</b>	<b>Số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã</b>	<b>112.481</b>	
1	Bổ sung cân đối ngân sách	111.401	
2	Bổ sung có mục tiêu	1.080	

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026**  
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND phường Nhị Chiểu)

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026
A	B	1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ (I+II+III+IV)</b>	<b>251.301</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp</b>	<b>138.820</b>
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	7.276
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	131.544
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>112.481</b>
-	Thu bổ sung cân đối	111.401
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.080
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>251.301</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách xã</b>	<b>251.301</b>
1	Chi đầu tư phát triển	3.886
2	Chi thường xuyên	242.488
3	Dự phòng ngân sách	4.927

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của HĐND phường Nhị Chiểu)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ															
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng, an ninh và trật tự ATXH	Chi y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý địa phương, đảng, đoàn thể	Chi thường xuyên khác	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư (nguồn tiền đất được điều tiết)	Dự phòng ngân sách
												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản					
A	B	1	2	3	4		5	6	7	8	9=10+11	10	11	12	13	14	15	16
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>251.301.000</b>	<b>145.462.000</b>	<b>6.500.000</b>	<b>5.913.000</b>	<b>390.000</b>	<b>1.441.000</b>	<b>410.000</b>	<b>465.000</b>	<b>3.065.000</b>	<b>11.057.000</b>	<i>8.167.000</i>	<i>2.890.000</i>	<b>32.443.000</b>	<b>1.206.000</b>	<b>34.136.000</b>	<b>3.886.000</b>	<b>4.927.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư</b>	<b>3.886.000</b>															<b>3.886.000</b>	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>242.488.000</b>	<b>145.462.000</b>	<b>6.500.000</b>	<b>5.913.000</b>	<b>390.000</b>	<b>1.441.000</b>	<b>410.000</b>	<b>465.000</b>	<b>3.065.000</b>	<b>11.057.000</b>	<i>8.167.000</i>	<i>2.890.000</i>	<b>32.443.000</b>	<b>1.206.000</b>	<b>34.136.000</b>		
<b>II.1</b>	<b>Chi thường xuyên QLNN</b>	<b>97.286.000</b>	<b>260.000</b>	<b>6.500.000</b>	<b>5.913.000</b>	<b>390.000</b>	<b>1.441.000</b>	<b>410.000</b>	<b>465.000</b>	<b>3.065.000</b>	<b>11.057.000</b>	<i>8.167.000</i>	<i>2.890.000</i>	<b>32.443.000</b>	<b>1.206.000</b>	<b>34.136.000</b>		
1	Văn phòng Đảng ủy	<b>8.714.593</b>				15.000								8.699.593				
2	Văn phòng HĐND và UBND	<b>17.727.176</b>		5.954.000		15.000								11.758.176				
3	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	<b>3.368.947</b>				15.000								3.353.947				
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	<b>18.675.937</b>	84.000			50.000				1.259.000	8.056.000	<i>7.350.000</i>	<i>706.000</i>	2.206.937		7.020.000		
5	Phòng Văn hoá - Xã hội	<b>29.691.033</b>	150.000			217.000								2.769.033		26.555.000		
6	Trung tâm Phục vụ HC công	<b>1.009.314</b>				15.000								994.314				
7	Trạm Y tế	<b>5.442.000</b>			5.427.000	15.000												
8	Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công	<b>2.100.000</b>				15.000	957.000	369.000	368.000		391.000		<i>391.000</i>					
9	Thưởng NĐ 73 (cho phép phân bổ chi tiết sau)	<b>1.059.000</b>			<b>265.000</b>		<b>35.000</b>							<b>759.000</b>				
10	Tiết kiệm 10%	<b>3.057.000</b>	<b>26.000</b>	<b>96.000</b>	<b>121.000</b>	<b>33.000</b>	<b>99.000</b>	<b>41.000</b>	<b>47.000</b>	<b>306.000</b>	<b>1.084.000</b>	<i>817.000</i>	<i>267.000</i>	<b>1.143.000</b>		<b>61.000</b>		
11	Dự toán chưa phân bổ (cho phép phân bổ chi tiết sau)	<b>6.441.000</b>		<b>450.000</b>	<b>100.000</b>		<b>350.000</b>		<b>50.000</b>	<b>1.500.000</b>	<b>1.526.000</b>		<i>1.526.000</i>	<b>759.000</b>	<b>1.206.000</b>	<b>500.000</b>		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ															
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng, an ninh và trật tự ATXH	Chi y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tần	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý địa phương, đảng, đoàn thể	Chi thường xuyên khác	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư (nguồn tiền đất được điều tiết)	Dự phòng ngân sách
												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản					
A	B	1	2	3	4		5	6	7	8	9=10+11	10	11	12	13	14	15	16
<b>II.2</b>	<b>Chi thường xuyên Giáo dục</b>	<b>145.202.000</b>	<b>145.202.000</b>															
<b>1</b>	<b>Mầm non</b>	<b>38.946.236</b>	<b>38.946.236</b>															
-	Phú Thừ	7.859.785	7.859.785															
-	Minh Tân	9.266.006	9.266.006															
-	Duy Tân	6.227.191	6.227.191															
-	Hoành Sơn	4.562.912	4.562.912															
-	Tân Dân	5.302.438	5.302.438															
-	Từ lạc	5.727.904	5.727.904															
<b>2</b>	<b>Tiểu học</b>	<b>48.793.285</b>	<b>48.793.285</b>															
-	Minh Tân	12.152.672	12.152.672															
-	Từ Lạc	5.810.422	5.810.422															
-	Phú Thừ	10.517.620	10.517.620															
-	Tân Dân	5.582.993	5.582.993															
-	Duy Tân	9.249.108	9.249.108															
-	Hoành Sơn	5.480.470	5.480.470															
<b>3</b>	<b>THCS</b>	<b>36.233.479</b>	<b>36.233.479</b>															
-	Minh Tân	10.819.625	10.819.625															
-	Phú Thừ	8.019.777	8.019.777															
-	Tân Dân	5.639.855	5.639.855															
-	Duy Tân	7.078.085	7.078.085															
-	Hoành Sơn	4.676.137	4.676.137															
<b>4</b>	<b>Khác (cho phép phân bổ chi tiết sau)</b>	<b>12.566.000</b>	<b>12.566.000</b>															
<b>5</b>	<b>Thưởng NĐ73 (cho phép phân bổ chi tiết sau)</b>	<b>6.013.000</b>	<b>6.013.000</b>															
<b>6</b>	<b>Tiết kiệm 10%</b>	<b>2.650.000</b>	<b>2.650.000</b>															
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>4.927.000</b>										-						<b>4.927.000</b>